TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/KDTM-ST

Ngày 28 tháng 9 năm 2017

"V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC , TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Chinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Phúc và bà Phạm Thị Minh.

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Văn Tiệp- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 34/2015/TLST-KDTM ngày 19/10/2015 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐST-KDTM ngày 15/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C

Địa chỉ: Số 108 M, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T- Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hoàng L- Trưởng phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh B (Theo văn bản ủy quyền số: 344/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 16/5/2016 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP C).

Địa chỉ: Thị trấn H1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

Bị đơn: Bà Dư Thị A - Chủ Doanh nghiệp tư nhân G, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Anh Nguyễn Kim Q, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Đều cư trú: Khu 3, thị trấn Y , huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2015 của Ngân hàng TMCP C và đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 08/8/2017 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh B trực tiếp ký Hợp đồng tín dụng số: 12.17.0008/HĐTD ngày 11/4/2012 với Chủ Doanh nghiệp tư nhân G bà Dư Thị A với hạn mức cho vay là 20.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Kinh doanh sản xuất đồ gỗ dân dụng.

Khi vay vốn Chủ Doanh nghiệp tư nhân G bà A và ông Nguyễn Văn T1 có ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng các tài sản sau:

1. Quyền sử dụng 110m^2 đất ở, số thửa 164, tờ bản đồ 11, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W195759 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp ngày 15/4/2003 mang tên chủ hộ Dư Thị A , khu 3, thị trấn Y , huyện Y , tỉnh Vĩnh Phúc, theo Hợp đồng thế chấp số: 11.12.0015.01/HĐTC ngày 18/02/2011 và các văn bản sửa đổi bổ sung. Trên đất có 01 nhà 08 tầng cùng các tài sản khác gắn liền với đất, đảm bảo cho mức dư nợ tối đa là 5.200.000.000 đồng.

2. 01 quyền sử dụng 80m^2 đất ở, số thửa 44.1, tờ bản đồ số 12, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM654251 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp ngày 03/6/2008 mang tên ông Nguyễn Văn T1, trên đất có 01 nhà 08 tầng cùng các tài sản khác gắn liền với đất, đảm bảo cho mức dư nợ tối đa 4.300.000.000 đồng. Theo hợp đồng thế chấp số: 11.12.0015.01/HĐTC ngày 18/02/2011 và các văn bản sử đổi bổ sung.

3. Hợp đồng thế chấp số: 11.12.0015.02/HĐTC ngày 06/4/2011 và các văn bản sửa đổi bổ sung là: 01 quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BD786387 do Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 15/3/2001 đứng tên Dư Thị A , diện tích 35,43m^2, tờ bản đồ số 6G-III-30, thửa số 148a+277 (01 phần) và 01 nhà xây 02 tầng diện tích sử dụng 57,33m^2, đảm bảo dư nợ tối đa là 4.000.000.000 đồng.

4. Quyền sử dụng 1.320m^2(loại đất sản xuất kinh doanh, thời hạn đến ngày 23/6/2059), tờ bản đồ só 31, số thửa 171, theo GCNQSD đất số BE426437 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 06/01/2012, chủ sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất là Doanh nghiệp tư nhân G . Trên đất có 01 nhà xưởng mái tôn, diện tích sử dụng khoảng 450m^2 cùng toàn bộ các tài sản gắn liền trên đất, đảm bảo cho mức vay tối đa là 2.000.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm bảo cho mức dư nợ tối đa là 15.500.000.000 đồng.

Tính đến hết ngày 28/9/2017 Doanh nghiệp của bà Dư Thị A còn nợ Ngân hàng là 13.165.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi trong hạn là 7.382.161.668 đồng, lãi quá hạn là 3.529.654.313 đồng. Cộng gốc, lãi là 24.077.015.981 đồng.

Nay Ngân hàng chỉ khởi kiện yêu cầu bà Dư Thị A là chủ Doanh nghiệp tư nhân G phải trả nợ cho Ngân hàng tiền gốc 3.900.740.741 đồng, lãi trong hạn là 2.187.366.420 đồng, lãi quá hạn là 1.045.823.500 đồng. Cộng gốc, lãi là 7.133.930.661 đồng tính đến hết ngày 28/9/2017 và lãi phát sinh của số tiền gốc kể từ ngày 29/9/2017 cho đến khi trả xong nợ gốc. Số tiền gốc và lãi còn lại Ngân hàng chưa khởi kiện.

Nếu bà Dư Thị A không trả được nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: 11.12.0015.02/HĐTC ngày 06/4/2011 và các văn bản bổ sung. Tài sản thế chấp là nhà, đất ở phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội. Thời điểm ký hợp đồng thế chấp trên đất có 01 ngôi nhà hai tầng, quá trình thế chấp cho đến nay vợ chồng bà A xây thêm thành nhà 04 tầng 01 tum. Nếu số tiền thu từ việc xử lý tài sản trên tăng thêm thì bà A vẫn phải dùng để trả nợ cho Ngân hàng. Nếu bán phát mại tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì bà A còn phải dùng các nguồn thu khác để trả nợ cho Ngân hàng.

Doanh nghiệp tư nhân G do bà Dư Thị A , Giám đốc là bị đơn trình bày vụ án như sau: Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày là đúng, tính đến ngày 13/11/2015 bà còn nợ Ngân hàng 15.465.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong hạn là 4.917.869.998 đồng, lãi phạt quá hạn là 2.273.416.667 đồng. Tổng gốc, lãi là 22.656.286.665 đồng. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu Doanh nghiệp phải trả nợ cho Ngân hàng 3.900.740.741 đồng tiền gốc và tiền nợ lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử và lãi phát sinh của tiền gốc tính từ sau ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ. Tại buổi hòa giải ngày 18/11/2015 bà A đề nghị Ngân hàng cho bà tự bán tài sản để trả nợ cho Ngân hàng trong thời hạn hai năm. Nếu không trả được nợ bà nhất trí để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 11.12.0015.02/HĐTC ngày 06/4/2011 và các văn bản bổ sung. Tài sản này ở tại phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Ông nhất trí như ý kiến của đại diện Ngân hàng. Do điều kiện kinh doanh khó khăn, nên vợ chồng ông đề nghị Ngân hàng cho một thời gian để vợ chồng ông tự xử lý bán tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng. Nếu không trả được nợ cho Ngân hàng ông cũng nhất trí để cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp như ý kiến của bà Dư Thị A .

Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Kim Q là con của ông T1, bà A . Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh, chị không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã đến tại nhà ở của gia đình bà A nhưng anh Q , chị V cũng không có ở nhà nên không lấy được lời khai của anh, chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Tòa án xác định đúng mối quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Kiến nghị: Thẩm phán không làm biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về đường lối giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP C yêu cầu bà Dư Thị A Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân G phải trả cho Ngân hàng TMCP C tổng cộng tiền gốc, lãi tính đến hết ngày 28/9/2017 là 7.133.930.661 đồng là có căn cứ và phù hợp với pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tranh tụng công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP C với Doanh nghiệp tư nhân G do bà Dư Thị A làm chủ Doanh nghiệp, tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng từ năm 2015. Do bà A vi phạm thỏa thuận trả nợ, nên ngày 14/7/2015 Ngân hàng mới khởi kiện tại Tòa án. Xét thấy vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc. Vậy pháp luật được áp dụng để giải quyết trong vụ án là Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật các tổ chức tín dụng.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Nhưng tại phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai, các đương sự vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy cần căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

2. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C đối với Doanh nghiệp tư nhân G do bà Dư Thị A là Chủ Doanh nghiệp nhận thấy: Hợp đồng tín dụng số: 12.17.0008/HĐTD ngày 11/4/2012 do Chi nhánh Ngân hàng Công thương B trực tiếp giao dịch ký với bà Dư Thị A Chủ Doanh nghiệp tư nhân G là tự nguyện và phù hợp pháp luật. Theo hợp đồng thì các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình như các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng thông báo nhiều lần cho bà A để trả nợ đúng kỳ hạn. Nhưng bà A không thực hiện đúng cam kết như đã thỏa

thuận với Ngân hàng, nên Ngân hàng mới khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Dư Thị A phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc 3.900.740.741 đồng, lãi trong hạn là 2.187.366.420 đồng, lãi quá hạn là 1.045.823.500 đồng. Cộng gốc, lãi là 7.133.930.661 đồng tính đến hết ngày 28/9/2017 và lãi phát sinh của số tiền gốc kể từ ngày 29/9/2017 cho đến khi trả xong nợ gốc, tài sản được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp số: 11.12.0015.02/HĐTC ngày 06/4/2011 và các văn bản bổ sung là nhà, đất ở phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội là tự nguyện và phù hợp với pháp luật cần được chấp nhận.

Quá trình làm việc tại Tòa án Ngân hàng chỉ yêu cầu bà A phải trả nợ cho Ngân hàng là 3.900.740.741 đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 2.187.366.420 đồng, lãi quá hạn là 1.045.823.500 đồng. Cộng gốc, lãi là 7.133.930.661 đồng tính đến hết ngày 28/9/2017 và tiền lãi phát sinh của số nợ gốc kể từ ngày 29/9/2017 như hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 12.17.0008/HĐTD ngày 11/4/2012 cho đến khi trả xong nợ. Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ và phù hợp với pháp luật cần được chấp nhận. Nếu bà Dư Thị A Giám đốc Doanh nghiệp không trả ngay nợ gốc, lãi cho Ngân hàng thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số BD786387 do Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 15/3/2011 mang tên Dư Thị A , diện tích 35,43m^2 đất, thuộc tờ bản đồ số 6G-III-30, thửa số 148a+277 (01phần) và 01 nhà xây 04 tầng 01 tum. Nếu bán phát mại tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì bà A còn phải dùng các nguồn thu khác để trả nợ cho Ngân hàng.

Về chi phí tố tụng khác: Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP C không yêu cầu giải quyết tiền chi phí cho việc thẩm định tài sản thế chấp, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, tiền tạm ứng án phí được hoàn trả lại. Bà Dư Thị A chủ Doanh nghiệp tư nhân G phải chịu án phí của số tiền phải trả cho Ngân hàng là 7.133.930.661 đồng. Vậy án phí sơ thẩm là 115.133.000 đồng theo Pháp lệnh về án phí, lệ phí Toà án ngày 27/02/2009.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 106, 107, 108, khoản 2 Điều 109, 290, 342, 355, 715, 720, 721, 411 và các Điều 471, 474, 476 của

Bộ luật dân sự năm 2005. Pháp lệnh về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Buộc bà Dư Thị A Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân G phải trả cho Ngân hàng TMCP C tính đến hết ngày 28/9/2017 là 3.900.740.741 đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 2.187.366.420 đồng, lãi quá hạn là 1.045.823.500 đồng. Cộng gốc, lãi là 7.133.930.661đ (Bảy tỷ một trăm ba ba triệu chín trăm ba mươi nghìn sáu trăm sáu mốt đồng).

Bà Dư Thị A Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/9/2017 đối với nợ gốc là 3.900.740.741 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 12.17.0008/HĐTD ngày 11/4/2012.

Trong trường hợp bà Dư Thị A chủ Doanh nghiệp tư nhân G không trả được nợ gốc, lãi cho Ngân hàng, thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng số: 11.12.0015.02/HĐTC ngày 06/4/2011 và các văn bản bổ sung để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BD786387 do Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 15/3/2011 mang tên Dư Thị A , diện tích 35,43m^2đất, tờ bản đồ số 6G-III-30, thửa số 148a+277 (01phần) và 01 nhà xây 04 tầng 01 tum. Nếu bán phát mại tài sản thế chấp không đủ để trả nợ, thì bà Dư Thị A còn phải dùng các tài sản khác để trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng.

Ngân hàng không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trả lại 58.215.000đ (Năm mươi tám triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2012/04217 ngày 16/10/2015 của Chi cục thi hành án án dân sự huyện Yên Lạc .

Bà Dư Thị A Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân G phải chịu 115.133.000đ (Một trăm mười năm triệu một trăm ba ba nghìn đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7a, 7b; 9 Luật thi hành án dân

sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc ;
-Chi cục Thi hành án dân sự huyệnYên Lạc ;
-Các đương sự (để thi hành);
-Lưu hồ sơ, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Xuân Chinh

Các Hội thẩm nhân dân	Chủ tọa phiên tòa
	Lê Xuân Chinh

Nơi nhận:
- *VKS huyện*
- *T.H.A.dân sự*
- *Các đương sự*
- *Lưu HS+ VP*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

LÊ XUÂN CHINH